TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TINH NINH BINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/ HS-ST
Ngày: 14/ 3/ 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung**.**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Anh và bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/ 2019/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/ QĐXXST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Thị N - Sinh năm 1969, tại xã Khánh P , huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Phú A , xã Khánh P , huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Cao Y và bà Tạ Thị N (đã chết); có chồng: Ông Đinh Văn V, sinh năm 1963 và có 4 người con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2018 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị N : Ông Phan Kế H – Luật sư và ông Nguyễn Minh N – Luật sư. Thuộc Công ty luật Hợp doanh The Light. Trụ sở tại: Tầng 8, Tòa nhà CTM, số 299 đường Cầu G, phường Dịch V, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; tại phiên tòa có mặt ông Phan Kế H còn ông Nguyễn Minh N vắng mặt, song đã gửi bài bào chữa đối với bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Văn V; sinh năm 1963; trú tại: Thôn Phú A , xã Khánh P , huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Anh Đinh Quốc T; sinh năm: 1999; trú tại: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn N1; sinh năm 1995; trú tại: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị P; sinh năm: 1992; trú tại: Thôn Phúc T, xã Ninh P, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Tống Văn M; sinh năm: 1973; trú tại: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Đinh Văn B; sinh năm 1983; trú tại: Xóm 4, thôn Thạch L, xã Khánh D, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Hoàng Xuân T; sinh năm 1996; trú tại: Thôn H, xã Ninh V, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Tống Thị V; sinh năm 1976; trú tại: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị H; sinh năm 1974; trú tại: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1970; trú tại: Thôn Xuân D2, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2003 đến năm 2009, Đỗ Thị N nhiều lần sử dụng hộ chiếu, Visa xuất cảnh sang Trung Quốc lao động. Từ năm 2011 đến đầu năm 2017, N vượt biên sang Trung Quốc để lao động, sau đó N trở về Việt Nam. Đến tháng 4/2017, khi N đang ở Việt Nam thì nhận được điện thoại của một người phụ nữ tự giới thiệu tên L, là người Việt Nam, lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc (Cơ quan điều tra không xác định được người phụ nữ này là ai, ở đâu). Người phụ nữ tên L nói xưởng giầy dép tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc đang cần lao động, nếu N đồng ý thì vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động, chi phí hết 5.000.000 đồng, L sẽ bố trí người đưa đi. N thống nhất với chồng là Đinh Văn V để cả hai đi lao động tại Trung Quốc. Sau đó, N và V đã được L bố trí người đón và đưa cả hai vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc qua đường đồi tại khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi sang Trung Quốc lao động được khoảng 01 tháng, vì lý do sức khỏe nên tháng 5/2017, V vượt biên trở về Việt Nam còn N tiếp tục ở lại Trung Quốc lao động.

Trong thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2017, Đỗ Thị N đã 05 lần tổ chức cho tổng cộng 06 người dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vượt biên sang Trung Quốc để lao động, không thực hiện thủ tục xuất cảnh theo quy định. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 5/2017, khi N đang ở Trung Quốc, do quen biết với N từ trước và biết N thường xuyên sang Trung Quốc lao động nên Đinh Quốc T, sinh năm 1999, trú tại thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh gọi điện thoại cho Đỗ Thị N nhờ N đưa sang Trung Quốc lao động và được N đồng ý. Do T không có tiền nên N và T thỏa thuận N sẽ cho T vay 1.500 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) để chi phí cho việc vượt biên sang Trung Quốc. N hướng dẫn T đến nhà N ở Thôn Phú A , xã Khánh P gặp Đinh Văn V là chồng của N lấy tiền và sim điện thoại Trung Quốc để sử dụng liên lạc với N trong quá trình đi. Sau đó, N điện thoại về cho V nói nếu T đến lấy tiền và sim điện thoại thì đưa cho T. Khi T đến nhà, V đã đưa cho T số tiền 1.500 Nhân dân tệ và 01 sim điện thoại Trung Quốc theo lời dặn của N (V không biết và N , T cũng không nói gì với V về việc đưa tiền và sim điện thoại để T vượt biên sang Trung Quốc). Khi nhận được tiền và sim điện thoại, T đã gọi điện cho N và được N hẹn ngày đi, hướng dẫn đón xe lên Lạng Sơn và cho số điện thoại của người sẽ đón, đưa T vượt biên từ tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam sang Trung Quốc.

Đến ngày hẹn, T tự bắt xe khách đi đến bến xe tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện đến số điện thoại theo chỉ dẫn của N . T được 01 người đàn ông (không xác định được là ai, ở đâu) đón sau đó đưa đến khu vực chân đồi gần cửa khẩu Chi Ma. Tại đây, T được một người đàn ông khác (không xác định được là ai, ở đâu) dẫn đi theo đường đồi vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Sau khi đã sang Trung Quốc, T dùng sim điện thoại mà Đinh Văn V đã đưa gọi điện thông báo cho N và được 01 người đàn ông Trung Quốc đón, đưa đến nơi làm việc của N tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. T đã đưa số tiền 1.500 NDT cho người đàn ông này theo yêu cầu của N . Tại Trung Quốc, T được N bố trí làm việc tại xưởng sản xuất giầy, dép, sau đó chuyển đến làm việc tại một công ty sản xuất ắc quy thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Lần thứ hai: Giữa tháng 7/2017, biết Đinh Quốc T được Đỗ Thị N đưa sang Trung Quốc lao động nên vợ chồng Vũ Văn N1, sinh năm 1995, Bùi Thị P, sinh năm 1992, trú tại thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh bàn nhau nhờ N đưa đi Trung Quốc lao động. N1 sẽ đi trước nếu công việc ổn định thì thông báo để P đi. P gọi điện vào tài khoản Zalo trên điện thoại di động của Đinh Quốc T xin được gặp Đỗ Thị N . Khi nói chuyện với N , P nhờ N đưa N1 sang Trung Quốc lao động. N đồng ý, thỏa thuận mức tiền chi phí và dặn P đến nhà giao tiền cho ông Đinh Văn V. Đồng thời N điện thoại cho V nói nếu chị P đến trả tiền vay trước đó thì cứ nhận (N không nói cho V biết đó là tiền để N đưa người vượt biên sang Trung Quốc). P đã đến nhà giao 5.000.000 cho Đinh Văn V rồi điện thoại thông báo cho N biết. N hẹn ngày đi, hướng dẫn N1 đón xe đi lên Lạng Sơn và cho số điện thoại của người sẽ đón, đưa N1 vượt biên sang Trung Quốc.

Đến ngày hẹn, N1 đi xe khách đến bến xe tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện vào số điện thoại theo chỉ dẫn của N . N1 được 01 người đàn ông (không xác định được là ai, ở đâu) đón, đưa đến khu vực chân đồi gần cửa khẩu Chi Ma. Tại đây, N1 được một người đàn ông người Trung Quốc dẫn đi theo đường đồi vượt biên trái phép

sang Trung Quốc. Sau đó, N1 được 01 người đàn ông Trung Quốc khác đón, bố trí xe ô tô đưa đến nơi làm việc của N tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tại đây, N1 được nhận vào làm việc cho công ty sản xuất ắc quy cùng với Đinh Quốc T.

Lần thứ ba: Cuối tháng 7/2017, thấy công việc bên Trung Quốc ổn định nên Vũ Văn N1 gọi điện thoại về nói Bùi Thị P sang làm cùng. P đã liên lạc với Đỗ Thị N nhờ đưa sang Trung Quốc làm việc. N đồng ý và dặn chị P đến nhà giao tiền cho Đinh Văn V. P đã cùng với mẹ chồng là bà Đinh Thị H, sinh năm 1974, trú tại thôn Xuân D 1, xã Khánh C đến nhà giao 5.000.000 cho Đinh Văn V rồi P gọi điện thoại thông báo cho N biết. N hẹn ngày đi, cho số điện thoại và dặn P đi lên tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện vào số điện thoại này, sẽ có người đón, đưa P vượt biên sang Trung Quốc.

Đến ngày hẹn, P đi xe khách đến bến xe tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện đến số điện thoại mà N đã cho. P được 01 người đàn ông đón, đưa đến khu vực chân đồi gần cửa khẩu Chi Ma. Tại đây, P được một người đàn ông người đàn ông khác dẫn đi theo đường đồi vượt biên trái phép sang Trung Quốc rồi đón xe ô tô đưa đến nơi làm việc của N tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tại đây, P được nhận vào làm việc cùng với N1 và T.

Lần thứ tư: Đầu tháng 8/2017, do biết Vũ Văn N1 được Đỗ Thị N đưa sang Trung Quốc lao động nên Tống Văn M, sinh năm 1973, trú tại thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh đã rủ Đinh Văn B, sinh năm 1983, trú tại thôn Thạnh L, xã Khánh D, huyện Yên Mô cùng đi Trung Quốc lao động, B đồng ý. Tống Văn M gọi điện vào tài khoản Zalo trên điện thoại di động của Vũ Văn N1 xin được gặp Đỗ Thị N. Khi nói chuyện với N , M nhờ N đưa M và B sang Trung Quốc lao động. N đồng ý, dặn M và B chuẩn bị tiền, hẹn ngày đi, hướng dẫn đón xe đi lên Lạng Sơn và cho số điện thoại của người sẽ đón, đưa M, B vượt biên từ tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam sang Trung Quốc.

Đến ngày hẹn, Tống Văn M và Đinh Văn B đi xe khách đến bến xe tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện đến số điện thoại N đã cho thì được 01 người đàn ông đến đón. M và B đã đưa cho người đàn ông này số tiền 10.000.000 đồng theo lời dặn của N thì được đưa đến khu vực chân đồi gần cửa khẩu Chi Ma. Tại đây, M và B được một người đàn ông khác dẫn đi theo đường đồi vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, lại được 01 người đàn ông Trung Quốc đón, bố trí xe ô tô đưa đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tại đây, M và B được nhận vào làm việc tại công ty sản xuất ắc quy cùng với T, N1, P.

Lần thứ năm: Khoảng tháng 9/2017, lúc này N đã vượt biên trở về Việt Nam, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, trú tại thôn Xuân D2, xã Khánh C, huyện Yên Khánh đã gọi điện cho N nhờ đưa con trai bà T là Hoàng Xuân Th, sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã Ninh V, huyện Hoa Lư sang Trung Quốc lao động. N đồng ý, thỏa thuận chi phi đưa Th sang Trung Quốc là 5.000.000 đồng và dặn bà T đến nhà N nộp tiền. Sau đó, bà T và Th đã đến nhà N ở Thôn Phú A , xã Khánh P nộp tiền cho N . N hẹn ngày hôm sau sẽ bố trí để Th đi Trung Quốc.

Sáng hôm sau, Th và bà T đi đến khu vực chợ V, xã Khánh P , N đến hướng dẫn Th cách đi xe, liên lạc với người đón. N cho Th số điện thoại và dặn khi nào lên đến bến xe tỉnh Lạng Sơn cứ gọi đến số điện thoại này, sẽ có người đón, đưa Th vượt biên sang Trung Quốc. Th đã đi xe khách đến bến xe tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện đến số điện thoại theo chỉ dẫn của N thì được 01 người đàn ông đón, đưa đến khu vực chân đồi gần cửa khẩu Chi Ma. Sau đó, Th được một người đàn ông khác dẫn đi theo đường đồi vượt biên sang Trung Quốc rồi bố trí xe ô tô đưa đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Đến nơi, do N đã liên hệ từ trước nên Th được nhận vào làm việc tại công ty sản xuất ắc quy cùng với những người đã được N đưa đi trước đó.

Đến tháng 10/2017, do công ty chuyển địa điểm làm việc từ tỉnh Quảng Đông đến tỉnh Giang Tây, Trung Quốc nên Đinh Quốc T, Vũ Văn N1, Bùi Thị P, Tống Văn M, Đinh Văn B, Hoàng Xuân Th đến tỉnh Giang Tây làm việc thì bị cơ quan chức năng Trung Quốc phát hiện, bắt giữ. Tháng 11/2017, P bị cơ quan chức năng Trung Quốc đưa đến khu vực biên giới giáp với tỉnh Lạng Sơn rồi đẩy đuổi về Việt Nam, không làm thủ tục bàn giao cho cơ quan chức năng của Việt Nam. Tháng 12/2017, T, N1, M, B và Th cũng bị cơ quan chức năng Trung Quốc đẩy đuổi về Việt Nam theo cách trên.

Quá trình điều tra, Đỗ Thị N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; cha của Đỗ Thị N là ông Đỗ Cao Y được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Về việc tổ chức cho người khác trốn đi Trung Quốc trái phép, N khai đã liên hệ với người phụ nữ tên L để L bố trí người đón, đưa những người đi vượt biên từ tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam sang Trung Quốc và bố trí xe đưa đến nơi làm việc. Số tiền những người đi đã nộp, N đều đã chuyển cho L. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không xác định được người phụ nữ tên L và những người đã đón, đưa Đinh Quốc T, Vũ Văn N1, Bùi Thị P, Tống Văn M, Đinh Văn B, Hoàng Xuân Th vượt biên sang Trung Quốc là ai, ở đâu nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra xác định, khi đưa tiền, sim điện thoại cho Đinh Quốc T và nhận tiền của Bùi Thị P, Đinh Văn V đều không biết việc N tổ chức đưa T, N1, P trốn đi Trung Quốc. Do vậy, hành vi của Đinh Văn V không phạm tội.

Đinh Quốc T, Vũ Văn N1 không bàn bạc, thống nhất gì với Đỗ Thị N về việc đưa người đi Trung Quốc lao động. Khi N1 gọi điện đến tài khoản Zalo của T cũng như khi Đinh Văn M gọi điện đến tài khoản Zalo của N1 xin gặp N thì T và N1 đều đưa máy cho N trực tiếp nói chuyện; T và N1 không biết nội dung trao đổi, thỏa thuận giữa N với người đi và cũng không được hưởng lợi gì từ việc N tổ chức đưa người khác đi Trung Quốc lao động. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý về trách nhiệm hình sự đối với T và N1.

Đối với hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của Đỗ Thị N , Đinh Văn V, Đinh Quốc T, Vũ Văn N1, Bùi Thị P, Tống Văn M, Đinh Văn B, Hoàng Xuân Th, bản thân các đối tượng đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép nên hành vi của các đối tượng không phạm tội "Vi phạm

quy định về xuất cảnh, nhập cảnh trái phép". Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi của Đỗ Thị N , Đinh Quốc T, Vũ Văn N1, Bùi Thị P, Tống Văn M, Đinh Văn B, Hoàng Xuân Th. Đối với hành vi xuất cảnh trái phép vào tháng 4/2017 và nhập cảnh trái phép vào tháng 5/2017 của Đinh Văn V, đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ được điện thoại di động của Đỗ Thị N , của các đối tượng đã sử dụng liên lạc với nhau để đi Trung Quốc trái phép và cũng không thu giữ được vật chứng gì khác.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSYK ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Đỗ Thị N ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội " Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép" theo điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị N phạm tội " Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N với mức án từ 5 năm đến 6 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 09 tháng 8 năm 2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa xác định việc bị cáo khai là đúng và không có yêu cầu, đề nghị gì. Những người làm chứng đều vắng mặt, song tại cơ quan điều tra đã có lời khai, xác định sự việc là đúng.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị N đã thống nhất và trình bày: Bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, sau khi sự việc xảy ra bị cáo rất ăn năn hối cải và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, trình độ văn hóa của bị cáo thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì muốn giúp đỡ người khác có thu nhập để thoát khỏi khó khăn nên mới dẫn đến vi phạm, bản thân không được hưởng lợi gì. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến hạng nhì, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm x và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này, trong đó có điểm x vì hành vi của bị cáo thực hiện trước khi Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung có hiệu lực, do vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội quy định nên bị cáo được áp dụng tình tiết con của người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Đỗ Thị N đúng như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Đỗ Thị N do có thời gian từ năm 2003 đến năm 2009, N đã nhiều lần sử dụng hộ chiếu, Visa xuất cảnh sang Trung Quốc với mục đích để tìm việc làm, lao động để lo kinh tế cho gia đình. Sau đó từ năm 2011 đến đầu năm 2017, N vượt biên sang Trung Quốc để lao động, sau một thời gian N lại trở về Việt Nam. Đến tháng 4/2017, khi N đang ở Việt Nam thì nhận được điện thoại của một người phụ nữ tự giới thiệu tên L , là người Việt Nam, lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc (Cơ quan điều tra không xác định được người phụ nữ này là ai, ở đâu). Người phụ nữ tên L nói xưởng giầy dép tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc đang cần lao động, nếu N đồng ý thì vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động, chi phí hết 5.000.000 đồng, L sẽ bố trí người đưa đi. N đồng ý và thống nhất với chồng là Đinh Văn V để cả hai đi lao động tại Trung Quốc. Sau đó, N và V đã được L bố trí người đón và đưa cả hai vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc qua đường đồi tại khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi sang Trung Quốc lao động được khoảng 01 tháng, vì lý do sức khỏe nên tháng 5/2017, V vượt biên trở về Việt Nam còn N tiếp tục ở lại Trung Quốc lao động.

Trong quãng thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2017 N đã 05 lần tổ chức cho tổng cộng 06 người dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vượt biên sang Trung Quốc. Bị cáo N là người không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đưa người đi lao động tại nước ngoài. Song kể từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2017, mặc dù N không trực tiếp đưa dẫn số người đi sang Trung Quốc, song N đã chủ động thu tiền, cho người đi vay tiền để lo chi phí để đi, cung cấp phương tiện liên lạc, thống nhất hướng dẫn người đi về thời gian đi, cách thức đi, đồng thời trực tiếp liên hệ với người phụ nữ tên L ở bên Trung Quốc để cho L bố trí người đưa đón và dẫn những người đi theo đường đồi tại khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn, để vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc để lao động mà không làm giấy tờ, thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo N đã tổ chức 05 lần để đưa 06 người vượt biên sang Trung Quốc lao động đã phạm vào tội " Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép" với tình tiết là phạm tội từ hai lần trở lên, đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép sẽ bị xử lý theo pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy rằng hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo N là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[2] Về tình tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có cha đẻ là ông Đỗ Cao Y được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến hạng nhì, thuộc trường hợp là con của người có công với cách mạng quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa được sửa đổi, bổ sung). Bị cáo phạm tội có hành vi được thực hiện trước ngày ban hành Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 2015. Do vậy, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa được sửa đổi, bổ sung). Đây là quy định có lợi cần áp dụng cho bị cáo theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[3] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Hành vi của bị cáo thực hiện tại thời điểm khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực. Tại thời điểm xét xử thì Bộ luật hình sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật và mức hình phạt nhẹ hơn so với tội danh được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy áp dụng Bộ luật hình sự năn 2015 để xét xử bị cáo.

Trong vụ án này đối với người phụ nữ tên L đã liên lạc với bị cáo để bố trí người đón, đưa những người đi vượt biên từ tỉnh Lạng Sơn ,Việt Nam sang Trung Quốc và bố trí xe đưa đến nơi làm việc. Số tiền những người đi đã nộp, bị cáo đều đã chuyển cho L. Song Cơ quan điều tra không xác định được người phụ nữ tên L và những người đã đón, đưa anh T, anh N1, chị P, anh M, anh B và anh Th vượt biên sang Trung Quốc là ai, ở đâu nên không có căn cứ để xử lý theo pháp luật.

Quá trình điều tra xác định, khi đưa tiền, sim điện thoại cho anh T và nhận tiền của chị P, ông V đều không biết việc N tổ chức đưa T, N1, P trốn đi Trung Quốc. Do vậy, hành vi của Đinh Văn V không phạm tội.

Đối với T và N1 do không bàn bạc, thống nhất gì với bị cáo N về việc đưa người đi Trung Quốc lao động. Khi N1 gọi điện đến tài khoản Zalo của T cũng như khi M gọi điện đến tài khoản Zalo của N1 xin gặp N thì T và N1 đều đưa máy cho N trực tiếp nói chuyện; T và N1 không biết nội dung trao đổi, thỏa thuận giữa N với người đi và cũng không được hưởng lợi gì từ việc N tổ chức đưa người khác đi Trung Quốc lao động. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý về trách nhiệm hình sự đối với T và N1 là phù hợp.

Đối với hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của bị cáo N và ông Đinh Văn V, Đinh Quốc T, Vũ Văn N1, Bùi Thị P, Tống Văn M, Đinh Văn B, Hoàng Xuân Th, bản thân các đối tượng đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép nên hành vi của các đối tượng không phạm tội " Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh trái phép". Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi của N , T, N1, P, M, B và Th là phù hợp. Đối với hành vi xuất cảnh trái phép vào tháng 4/2017 và nhập cảnh trái phép vào tháng 5/2017 của ông Đinh Văn V, đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4] Về vật chứng: Cơ quan an ninh điều tra không thu giữ được điện thoại di động của bị cáo, cũng như của các đối tượng đã sử dụng liên lạc với nhau để đi Trung Quốc trái phép và cũng không thu giữ được vật chứng gì khác, nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo N là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng thẩm quyền, đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị N phạm tội: " Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép".

- **Căn cứ:** Điểm b khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị N 5 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 09 tháng 8 năm 2018.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Đỗ Thị N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Bị cáo; Người bào chữa, Người CQLLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung.